TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/KDTM-PT
Ngày: 10/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Đoan Trang

2. Bà Phùng Thị Như Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2020/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án sơ thẩm số 898/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4993/2021/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thang máy Sanyo M.

Địa chỉ: Số 2-4-6 đường C, Khu công nghiệp T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Anh T theo Giấy ủy quyền ngày 18/6/2019.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A.

Địa chỉ: Số 90 đường N, Phường M, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Tôn Thất H theo Giấy ủy quyền số 0401/2021/GUQ/AL1 ngày 22/4/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Minh H- Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: **Bị đơn**

(Các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, hòa giải nguyên đơn Công ty TNHH Thang máy Sanyo M có ông Phạm Anh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A (gọi tắt là Công ty A) có nhu cầu lắp đặt 01 bộ thang máy, để phục vụ cho nhu cầu kinh doanh tại địa chỉ số 90 Đường N, Phường R, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/06/2018, Công ty TNHH Thang máy Sanyo M (gọi tắt là Công ty M) và Công ty A đã tiến hành ký Hợp đồng mua bán số 304/HĐMB-2018 với giá trị của Hợp đồng là 822.800.000 đồng (Tám trăm hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng). Việc thanh toán được chia làm 04 đợt cụ thể:

+ Đợt 1: Thanh toán 30% giá trị Hợp đồng trước thuế GTGT tương đương 224.400.000 đồng.

+ Đợt 2: Thanh toán 30% giá trị Hợp đồng trước thuế GTGT tương đương 224.400 000 đồng.

+ Đợt 3:Thanh toán 20% giá trị Hợp đồng trước thuế GTGT tương đương 149.600.000 đồng.

+ Đợt 4: Thanh toán 20% giá trị Hợp đồng trước thuế GTGT tương đương 149.600.000 đồng và toàn bộ tiền thuế GTGT là 74.800.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty M đã tiến hành thực hiện đúng cam kết, lắp đặt và bàn giao thang máy. Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình theo Hợp đồng mua bán số 304/HĐMB-2018 ngày 09/06/2018. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, bị đơn mới chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 02 (hai) đợt, với tổng số tiền là 448.800.000 đồng. Cụ thể đợt 1 ngày 14/06/2018, số tiền 224.400.000 đồng và đợt 2 ngày 03/08/2018 số tiền 224.400.000 đồng.

Mặc dù phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp, thi công, lắp đặt thang máy, theo yêu cầu đặt hàng từ phía bị đơn cũng như hai bên đã tiến hành ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình. Tuy nhiên bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn lại cho nguyên đơn. Ngày 19/05/2019, nguyên đơn đã gửi bản đối chiếu công nợ, cũng như công văn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết :

Buộc Công ty A phải trả cho Công ty M số tiền còn lại theo Hợp đồng số 304/HĐMB- 2018 ngày 09/6/2018 là 374.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tư triệu đồng chẵn).

Công ty A phải trả lãi suất trên số tiền còn lại chưa trả cho Công ty M là: 10%/năm tính từ ngày 06/08/2018 đến 06/8/2019 là: 37.400.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền yêu cầu Công ty A phải thanh toán là: 411.400.000 đồng (Bốn trăm mười một triệu bốn tràm ngàn đồng).

Về việc bị đơn đề nghị giảm 10% giá trị hợp đồng phía nguyên đơn không đồng ý. Nguyên đơn chỉ đồng ý giảm 10% trên số nợ còn lại chưa thanh toán và không tính lãi nếu bị đơn thanh toán dứt điểm 01 lần.

Bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A có ông Tôn Thất H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty A có ký hợp đồng lắp đặt 01 bộ thang máy với Công ty M, theo hợp đồng mua bán số 304/HĐMB-2018 ngày 9/6/2018. Tổng giá trị của hợp đồng là 822.800.000 đồng (Tám trăm hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng). Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình của Hợp đồng mua bán số 304/HĐMB-2018.

Tuy nhiên, Công ty A chưa thể thanh toán hết phần công nợ còn lại là do những nguyên nhân sau:

- Trong quá trình thi công và chạy thử, đã xảy ra nhiều sự cố gây mất an toàn cho người sử dụng thang (theo biên bản ghi nhận sự việc ngày 21/08/2018) như: thang bị ngưng đột ngột, không hoạt động, cửa không mở, hệ thống cứu hộ, ... không hoạt động, rung lắc,... và việc này xảy ra thường xuyên, Công ty M đã khắc phục, nhưng không giải quyết được một cách triệt để. Việc này đã gây hoang mang cho Công ty A vì ảnh hưởng đến sự an toàn của khách sử dụng thang. Chính vì lẽ đó, Công ty A đã phải hạn chế sử dụng thang cho khách lưu trú tại khách sạn, mà chủ yếu sử dụng cho nhu cầu nội bộ doanh nghiệp.

- Công ty M không cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ và không mở chứng thư bảo lãnh ngân hàng như đã thỏa thuận tại điều 3 của hợp đồng.

Công ty A cũng đã có thiện chí giải quyết dứt điểm sự việc với điều kiện như sau:

Do thang máy Công ty M cung cấp không đạt chất lượng như yêu cầu, nên đề nghị Công ty M giảm giá 10% giá trị hợp đồng sau thuế GTGT, để Công ty A tìm một đơn vị uy tín khác xử lý triệt để các sự cố nêu trên và chấp nhận thanh toán toàn bộ số tiền còn lại, theo đúng các điều khoản hợp đồng đã ký hoặc Công ty M phải thay một thang máy khác đạt chất lượng hơn. Tuy nhiên, Công ty M không đồng ý.

Phía bị đơn đề nghị nguyên đơn giảm 10% theo giá trị hợp đồng thì cam kết sẽ thanh toán nốt số nợ còn lại cho nguyên đơn. Tuy nhiên do Công ty bị đơn

hiện đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên đề nghị cho thời hạn để thanh toán khoản nợ trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Công ty M có ông Lâm Đức T- đại diện theo ủy quyền có thay đổi một phần yêu cầu về khoản lãi chậm thanh toán. Ngoài ra, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét:

- Buộc Công ty A phải thanh toán ngay cho Công ty M khoản nợ gốc còn lại là 374.000.000 đồng; Lãi do chậm thanh toán đợt 3 số tiền 149.600.000đ tính từ ngày 6/8/2018 đến ngày 25/9/2020 là 25 tháng, lãi suất 10%/1 năm tương đương (0,833%/1 tháng), số tiền lãi là: 31.154.200 đồng.

Lãi chậm thanh toán đợt 4, tính từ ngày xuất bản chính Hóa đơn Giá trị gia tăng là ngày 17/12/2019. Số tiền 149.600.000đ + toàn bộ tiền thuế GTGT 74.800.000Đ = 224.400.000đ, lãi suất 10%/1 năm tương đương 0,833%/1 tháng, số tiền lãi là:16.823.268 đồng. Tổng lãi: 47.977.468 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi: 421.977.468 đồng (Bốn trăm hai mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Yêu cầu thanh toán 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty A có ông Tôn Thất H là người đại diện theo ủy quyền: đề nghị nguyên đơn giảm 10% theo giá trị hợp đồng để bị đơn khắc phục sự cố thang máy. Bị đơn hiện đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên đề nghị cho thời hạn để thanh toán khoản nợ cón lại cho nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 898/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 3 đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thang máy Sanyo M.

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thang máy Sanyo M tổng số tiền gốc và lãi là 421.977.468 đồng (Bốn trăm hai mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Thực hiện việc trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty TNHH Thang máy Sanyo M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty TNHH TNHH Dịch vụ Thương mại Khách Sạn A còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2020, Công ty TNHH TNHH Dịch vụ Thương mại Khách Sạn A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn với lý do Bản án gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây:

-Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

-Yêu cầu nguyên đơn thu hồi thang máy đã lắp đặt. Hoàn trả toàn bộ số tiền bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn, đồng thời, nguyên đơn trả cho cho bị đơn số tiền lãi tương ứng nguyên đơn đã nhận bị đơn. Do nguyên đơn đã lắp đặt thang máy sai thiết kế, không đảm bảo chất lượng.

- Nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn thang máy không hoạt độngtrong suốt thời gian qua, làm ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Công ty TNHH TNHH Dịch vụ Thương mại Khách Sạn A: Luật sư Nguyễn Minh H trình bày: Với những lý do như đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho trưng cầu giám định chất lượng thang máy và hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 898/2020/KDTM-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty A đã kháng cáo toàn bộ Bản án số 898/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo toàn bộ Bản án 898/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền nguyên đơn và bị đơn xác nhận Công ty M (bên bán) và Công ty A (bên mua) có ký kết Hợp đồng mua bán số 304/HĐMB-2018 ngày 9/6/2018 với tổng trị giá là 822.800.000 đồng (tám trăm hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng) đã bao gồm Thuế Giá trị gia tăng. Sau khi ký Hợp đồng bên bán đã tiến hành lắp đặt thang máy như thỏa thuận tại Hợp đồng, ngày 6/8/2018 hai bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao. Công ty A đã thanh toán được 2 đợt tiền, gồm đợt 1: 224.000.000 đồng ngày 14/6/2018 và đợt 2: 224.000.000 đồng vào ngày 03/8/2018. Tổng cộng hai đợt là 448.800.000 đồng.

Bị đơn kháng cáo lý do nguyên đơn đã lắp đặt thang máy sai thiết kế, không đảm bảo chất lượng. Căn cứ Hợp đồng mua bán số 304/HĐMB-2018 ngày 9/6/2018; Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 6/8/2018 giữa hai bên không phản ánh tình trạng kỹ thuật cũng như hiện trạng hoạt động của thang máy như hai bên đã ký kết tại biên bản nghiệm thu. Mặt khác, bên chủ đầu tư do bà Nguyễn Bích Thủy ký biên bản nghiệm thu không có ý kiến gì về những lý do như trong đơn kháng cáo đã nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền bị đơn nộp Đơn yêu cầu trưng cầu giám định và vi bằng lập ngày ngày 19 tháng 3 năm 2021 ghi nhận việc kiểm tra thang máy. Sau khi xem xét chứng cứ do bị đơn cung cấp thấy vi bằng không có sự chứng kiến và xác nhận của bên lắp đặt thang máy là Công ty M. Căn cứ Điều 6 Hợp đồng mua bán số 304/HĐMB-2018 ngày 9/6/2018 thấy rằng Công ty A đã sử dụng thang máy quá thời hạn chạy thử và hoàn thiện xong thang máy. Đồng thời, căn cứ Điều 7 Hợp đồng về bảo trì và bảo hành hợp đồng: "Bên B chịu trách nhiệm bảo hành bảo trì (bảo dưỡng) thang máy miễn phí trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao". Mặt khác, suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ, không đề nghị kiểm định thang máy, cũng như không có yêu cầu phản tố để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, mặc dù đã được cấp sơ thẩm giải thích. Như vậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu từ ngày 6 tháng 8 năm 2018 cho đến nay, Công ty A đã sử dụng thang máy quá thời gian bảo trì và bảo hành nên yêu cầu của bị đơn Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chứng cứ chất lượng và kỹ thuật thang máy như trong hợp đồng để trưng cầu giám định theo đơn yêu cầu của bị đơn.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày xác nhận của nguyên đơn, bị đơn thì giá trị Hợp đồng là 822.800.000 đồng phía Công ty A đã

thanh toán số tiền là 448.800.000 đồng, còn nợ Công ty M số tiền 374.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán là đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Căn cứ Điều 3 Hợp đồng sau khi hai bên ký nghiệm thu và bàn giao thang máy thì bên A phải thanh toán cho bên B. Căn cứ biên bản nghiệm thu từ ngày 6 tháng 8 năm 2018, Công ty A đã thanh toán số tiền là 448.800.000 đồng, còn nợ Công ty M số tiền 374.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán. Do đó nguyên đơn yêu cầu lãi chậm thanh toán 10%/năm trên tổng số tiền còn lại chưa trả tính từ ngày 6 tháng 8 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 47.977.468 đồng là có căn cứ. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại, quyền yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán theo đó lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu này có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên yêu cầu kháng cáo của Công ty A là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên án phí theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Yêu cầu kháng cáo của Công ty A không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi phạt.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn- Công ty TNHH Dịch vụ TM Khách Sạn A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thang máy Sanyo M.

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thang máy Sanyo M tổng số tiền gốc và lãi là

421.977.468 đồng (Bốn trăm hai mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc số tiền 374.000.000 đồng; nợ lãi 47.977.468 đồng.

Thực hiện việc trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty TNHH Thang máy Sanyo M theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu trên.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Án phí doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.879.099 đồng.

Công ty TNHH Thang máy Sanyo M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 10.228.000 đồng theo biên lai thu số 0021100 ngày 6/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Khách Sạn A phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0007881 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận Y;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Trương Thị Thảo